

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hàng không thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hàng không thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Công TTĐT Bộ GTVT;
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, Văn phòng Bộ (KSTTHC).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Anh Tuấn

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG
LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BGTVT ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
1	1.003850	Cấp giấy chứng nhận phê chuẩn Tổ chức bảo dưỡng tàu bay (AMO)	Thông tư số 09/2023/TT-BGTVT	Cục Hàng không Việt Nam
2	1.003818	Gia hạn Giấy chứng nhận phê chuẩn Tổ chức bảo dưỡng tàu bay (AMO)	ngày 09/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung	
3	1.004986	Sửa đổi Giấy chứng nhận phê chuẩn Tổ chức bảo dưỡng tàu bay (AMO)	một số điều của Bộ Quy chế An toàn hàng	
4	1.004317	Cấp Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay (AOC)	không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai	
5	1.004306	Gia hạn sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận người khai thác tàu bay (AOC)	thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT	
6	1.004411	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu	ngày 27/01/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT và các Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT	

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Cấp giấy chứng nhận phê chuẩn Tổ chức bảo dưỡng tàu bay (AMO)

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận phê chuẩn Tổ chức bảo dưỡng tàu bay gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Cục Hàng không Việt Nam kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ; thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản cho tổ chức làm đơn nếu hồ sơ bị từ chối.

- Trường hợp hồ sơ được chấp nhận, trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam xem xét nội dung hồ sơ, thống nhất và thông báo chính thức kế hoạch kiểm tra tổ chức AMO.

- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày thông báo chính thức kế hoạch kiểm tra, Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy chứng nhận phê chuẩn AMO cho tổ chức làm đơn đề nghị nếu kết quả kiểm tra đáp ứng các yêu cầu quy định tại Phần này hoặc thông báo từ chối bằng văn bản, có nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Nộp qua hệ thống bưu chính.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Đơn đề nghị phê chuẩn làm theo mẫu;
- Tài liệu giải trình tổ chức bảo dưỡng;
- Liệt kê các công việc bảo dưỡng dự kiến hợp đồng thuê AMO khác thực hiện;
- Liệt kê tất cả các Giấy chứng nhận phê chuẩn AMO và năng định được cấp bởi các nhà chức trách hàng không nước ngoài;

b) Số lượng: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: 27 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

1.6. Cơ quan thực hiện giải quyết thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

1.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận phê chuẩn Tổ chức bảo dưỡng tàu bay (AMO).

1.8. Phí, lệ phí:

Phí cấp Giấy chứng nhận phê chuẩn Tổ chức bảo dưỡng tàu bay (AMO) lần đầu: 20.000.000 đồng.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị phê chuẩn.

1.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QHH11 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QHH13;

- Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không;


- Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/20211 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay và Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/20211 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay;

- Thông tư số 56/2018/TT-BGTVT ngày 11/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay;

- Thông tư số 09/2023/TT-BGTVT ngày 09/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT và các Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT.

1.12. Mẫu đơn và mẫu kết quả của thủ tục hành chính:

a) Mẫu đơn

	ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN TỔ CHỨC BẢO DƯỠNG APPLICATION FOR ISSUANCE, AMENDMENT OR RENEWAL OF APPROVED MAINTENANCE ORGANIZATION CERTIFICATE		HƯỚNG DẪN Điền tay hoặc máy. Chỉ nộp bản gốc cho Phòng Tiêu chuẩn An toàn bay hoặc Người được Cục HKVN ủy quyền. Nếu cần thêm không gian, hãy sử dụng trang đính kèm. INSTRUCTIONS Write or type. Submit original hardcopy only to the Flight Safety Standards Department or a CAAV authorized person. If additional space is required, use an attachment.	
	A. THÔNG TIN TỔ CHỨC BẢO DƯỠNG/ MAINTENANCE ORGANIZATION INFORMATION:			
1. TÊN TỔ CHỨC HOẶC NGƯỜI NỘP HỒ SƠ AMO/ NAME OF AMO APPLICANT OR HOLDER		2. ĐỊA CHỈ (Đường phố hoặc số hộp thư bưu điện)/ PERMANENT ADDRESS (Street or PO Box Number)		
3. SỐ ĐIỆN THOẠI/ TELEPHONE	4. THÀNH PHỐ/CITY	BANG/ TỈNH/ STATE/ PROVINCE	MÃ BƯU ĐIỆN/ MAIL CODE	QUỐC GIA/COUNTRY
5. ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO DƯỠNG CHÍNH/ LOCATION OF MAIN BASE		7. ĐỊA CHỈ CÁC CHI NHÁNH/ LOCATION OF SATELLITE BASE(S)		
B. ĐƠN ĐƯỢC LẬP CHO MỤC ĐÍCH/ APPLICATION IS HEREBY MADE FOR:				
<input type="checkbox"/> 1. Cấp giấy chứng nhận AMO và các năng định để tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa và cải tiến được xác định dưới đây, và để phê chuẩn AMO Issuance of a AMO certificate and associated ratings to conduct the maintenance, repairs and modifications identified below, and for the approval of the AMO.				
<input type="checkbox"/> 2. Gia hạn Giấy chứng nhận AMO hiện có và các năng định liên quan/ Renewal of existing AMO Certificate and associated ratings		Số Giấy chứng nhận AMO/ AMO Certificate #:	Ngày hết hạn/ Expiration Date:	
<input type="checkbox"/> (a) Không thay đổi các năng định, cấp và thiết bị/ Without changes to the currently approved ratings, classes and equipment. <input type="checkbox"/> (b) Cùng với việc bổ sung các năng định dưới đây đề nghị phê chuẩn/ With addition of rating(s) identified below for which approval is requested.				
<input type="checkbox"/> (c) Cùng với việc loại bỏ năng định dưới đây ra khỏi Phạm vi hoạt động/ With deletion of rating(s) identified below from the operations specifications.				

<input type="checkbox"/> 3. Sửa đổi Giấy chứng nhận AMO hiện tại và năng định/ Amending the current AMO Certificate and associated ratings. <input type="checkbox"/> (a) Bổ sung các năng định và cấp dưới đây đề nghị phê chuẩn/ By adding the rating(s) and class(es) identified below for which approval is requested. <input type="checkbox"/> (b) Loại bỏ năng định và cấp dưới đây khỏi Phạm vi hoạt động/ By deleting the ratings and class(es) identified below from the operations specifications.		Số Giấy chứng nhận AMO/ AMO Certificate #:	Ngày hết hạn/ Expiration Date:	
C. CÁC NĂNG ĐỊNH AMO/ AMO RATINGS:				
BỔ SUNG/ ADD	LOẠI BỎ/ DELETE	NĂNG ĐỊNH/ RATING	MÔ TẢ CẤP/ CLASS DESCRIPTION	MÔ TẢ THIẾT BỊ/ EQUIPMENT DESCRIPTION
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1.		
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2.		
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	3.		
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	4.		
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	5.		
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	6.		
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	7.		
Nếu cần thêm khoảng trống, vui lòng đính kèm thêm trang/ If more space is needed, please attach additional page(s).				
D. CÁC ĐÍNH KÈM THEO ĐƠN/ ADDITIONAL APPLICATION ATTACHMENTS:				
<input type="checkbox"/> 1. Tài liệu giải trình tổ chức bảo dưỡng/ Maintenance Organization Procedures Manual		<input type="checkbox"/> 5. Tài liệu Giải trình năng lực/ Capability List(s)		<input type="checkbox"/> 9. Sơ đồ và mô tả về cơ sở vật chất/ Facility Description & Layout
<input type="checkbox"/> 2. Báo cáo phù hợp Phần 5/ Part 5 Conformance Report		<input type="checkbox"/> 6. Danh sách nhà cung cấp và chức năng/ List of Service Providers & Functions		<input type="checkbox"/> 10. Chương trình huấn luyện/ Training Program
<input type="checkbox"/> 3. Lý lịch bộ máy điều hành/ Management Resumes		<input type="checkbox"/> 7. Phạm vi hoạt động dự kiến/ Proposed Operation Specifications		<input type="checkbox"/> 11. Sổ tay chất lượng/ Quality Assurance Manual
<input type="checkbox"/> 4. Lý lịch nhân viên xác nhận hoàn thành bảo dưỡng/ Certifying Staff Resumes		<input type="checkbox"/> 8. Gói công việc mẫu/ Sample Work Package		<input type="checkbox"/> 12. Hồ sơ sát hạch dự kiến/ Proposed Qualification Records
Nếu cần thêm khoảng trống, vui lòng đính kèm thêm trang/ If more space is needed, please attach additional page(s).				
E. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN/ APPLICANT'S CERTIFICATION				
Tôi xác nhận rằng tất cả trình bày và trả lời của tôi trên mẫu đơn này là hoàn chỉnh và đúng theo sự hiểu biết tốt nhất của tôi và tôi đồng ý rằng chúng được coi là một cơ sở để Cục HKVN phê chuẩn giấy chứng nhận cho tôi./ I certify that all statements and answers provided by me on this application form are complete and true to the best of my knowledge and I agree that they are to be considered as part of the basis for issuance of any CAAV certificate to me.				
Tổ chức, cá nhân không được gian lận bằng cách tạo ra các thông tin sai nhằm mục đích nhận được cho mình hoặc bất kỳ người nào khác sự cấp, công nhận, gia hạn hoặc thay đổi bất		1. NGÀY THÁNG NĂM/ DATE:	2. CHỮ KÝ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ APPLICANT SIGNATURE:	

kỳ giấy phép nào./ A person shall not with intent to deceive by making any false representation for the purpose of procuring for himself or any other person the grant, issue, renewal or variation of any such license.		3. TÊN VÀ CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN/PRINTED NAME AND TITLE OF APPLICANT:
F. CHỨNG NHẬN CỦA CỤC HKVN/ CAAV CERTIFICATION:		
1. <input type="checkbox"/> PHÊ CHUẨN với những năng định liên quan nêu trên/ APPROVED with the associated ratings bearing the number shown above. Ngày hiệu lực/ Effective Date: / / Ngày hết hạn/ Expires On: / /		2. <input type="checkbox"/> KHÔNG PHÊ CHUẨN/ DISAPPROVED
<input type="checkbox"/> Gia hạn/ Renewal <input type="checkbox"/> không kèm sửa đổi/ without amendments <input type="checkbox"/> có kèm sửa đổi/ with amendments		
3. Tên và Chức danh của người phê chuẩn / Name and Title of approving person	4. Chữ ký/ Signature	5. Ngày tháng năm/ Date
CAAV FSSD Form 512B [2]2022		

b) Mẫu kết quả

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
MINISTRY OF TRANSPORTATION



CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN PHÊ CHUẨN
APPROVED MAINTENANCE ORGANISATION

Số/ Number:

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam và các quy định hiện hành, Cục Hàng không Việt Nam chứng nhận:

Pursuant to the Civil Aviation Regulations of Vietnam being in force, the Civil Aviation Authority of Vietnam hereby certifies:

Địa chỉ/ whose business address is:

là Tổ chức bảo dưỡng được phê chuẩn với các năng định được liệt kê tại Tài liệu phạm vi hoạt động.

as Approved Maintenance Organisation with the ratings specified in Operation Specifications.

Giấy chứng nhận này xác nhận tổ chức được liệt kê trong giấy chứng nhận này được thực hiện bảo dưỡng theo các điều kiện nêu trong Tài liệu phạm vi hoạt động kèm theo.

This certificate certifies that the organization listed in this certificate is authorised to perform maintenance, as defined in the attached Operation Specifications.

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày hết hạn nếu không bị đình chỉ, thu hồi trước thời hạn:

This Certificate unless canceled, suspended or revoked shall continue in effect until the following date of expiry:

Ngày cấp lần đầu/ Date of first issue: / /

Ngày cấp lại/ Date of re-issue: / /

Ngày hết hạn/ Date of expiry: / /

CỤC TRƯỞNG
DIRECTOR GENERAL

Giấy chứng nhận này không được phép chuyển nhượng và bất kỳ thay đổi nào liên quan tới phê chuẩn phải được thông báo ngay cho Cục HKVN/

This certificate is not transferable and any major change that could affect to the approval shall be immediately reported to Civil Aviation Authority of Vietnam.

2. Gia hạn Giấy chứng nhận phê chuẩn Tổ chức bảo dưỡng tàu bay (AMO)

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

AMO nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến tới Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Cục Hàng không Việt Nam xem xét quyết định gia hạn Giấy chứng nhận trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị hoặc thông báo từ chối cấp bằng văn bản, có nêu rõ lý do.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Văn phòng Cục Hàng không Việt Nam; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Cục Hàng không Việt Nam.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Bản sao hoặc biểu mẫu điện tử đơn đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận phê chuẩn AMO theo mẫu quy định;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử của tài liệu giải trình tổ chức bảo dưỡng;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử báo cáo liệt kê các công việc bảo dưỡng đã thực hiện cho tàu bay quốc tịch Việt Nam;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy chứng nhận Tổ chức bảo dưỡng, tài liệu phạm vi hoạt động và tài liệu giải trình năng lực.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

2.6. Cơ quan thực hiện giải quyết thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

2.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận phê chuẩn Tổ chức bảo dưỡng tàu bay (AMO).

2.8. Phí, lệ phí:

Phí gia hạn Giấy chứng nhận phê chuẩn Tổ chức bảo dưỡng tàu bay (AMO): 15.000.000 đồng.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn đề nghị cấp, gia hạn Giấy chứng nhận Tổ chức bảo dưỡng.

2.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

AMO phải đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận phê chuẩn Tổ chức bảo dưỡng tàu bay (AMO) 30 ngày trước ngày hết hạn của Giấy chứng nhận phê chuẩn Tổ chức bảo dưỡng tàu bay (AMO).

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QHH11 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QHH13;

- Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/20211 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay;

- Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2011/TT- BGTVT ngày 27/01/20211 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không;

- Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2011/TT- BGTVT ngày 27/01/20211 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay và Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2011/TT- BGTVT ngày 27/01/20211 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay;

- Thông tư số 56/2018/TT-BGTVT ngày 11/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao


thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay;

- Thông tư số 11/2022/TT-BGTVT ngày 29/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay;

- Thông tư số 09/2023/TT-BGTVT ngày 09/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT và các Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT.

2.12. Mẫu đơn và mẫu kết quả của thủ tục hành chính:

a) Mẫu đơn

	ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN TỔ CHỨC BẢO DƯỠNG APPLICATION FOR ISSUANCE, AMENDMENT OR RENEWAL OF APPROVED MAINTENANCE ORGANIZATION CERTIFICATE			HƯỚNG DẪN Điền tay hoặc máy. Chỉ nộp bản gốc cho Phòng Tiêu chuẩn An toàn bay hoặc Người được Cục HKVN ủy quyền. Nếu cần thêm không gian, hãy sử dụng trang đính kèm. INSTRUCTIONS Write or type. Submit original hardcopy only to the Flight Safety Standards Department or a CAAV authorized person. If additional space is required, use an attachment.
	A. THÔNG TIN TỔ CHỨC BẢO DƯỠNG/ MAINTENANCE ORGANIZATION INFORMATION:			
1. TÊN TỔ CHỨC HOẶC NGƯỜI NỘP HỒ SƠ AMO/ NAME OF AMO APPLICANT OR HOLDER		2. ĐỊA CHỈ (Đường phố hoặc số hộp thư bưu điện)/ PERMANENT ADDRESS (Street or PO Box Number)		
3. SỐ ĐIỆN THOẠI/ TELEPHONE	4. THÀNH PHỐ/CITY	BANG/ TỈNH/ STATE/PROVINCE	MÃ BƯU ĐIỆN/ MAIL CODE	
5. ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO DƯỠNG CHÍNH/ LOCATION OF MAIN BASE		7. ĐỊA CHỈ CÁC CHI NHÁNH/ LOCATION OF SATELLITE BASE(S)		
B. ĐƠN ĐƯỢC LẬP CHO MỤC ĐÍCH/ APPLICATION IS HEREBY MADE FOR:				
<input type="checkbox"/> 1. Cấp giấy chứng nhận AMO và các năng định để tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa và cải tiến được xác định dưới đây, và để phê chuẩn AMO Issuance of a AMO certificate and associated ratings to conduct the maintenance, repairs and modifications identified below, and for the approval of the AMO.				
<input type="checkbox"/> 2. Gia hạn Giấy chứng nhận AMO hiện có và các năng định liên quan/ Renewal of existing AMO Certificate and associated ratings		Số Giấy chứng nhận AMO/ AMO Certificate #:	Ngày hết hạn/ Expiration Date:	
<input type="checkbox"/> (a) Không thay đổi các năng định, cấp và thiết bị/ Without changes to the currently approved ratings, classes and equipment. <input type="checkbox"/> (b) Cùng với việc bổ sung các năng định dưới đây đề nghị phê chuẩn/ With addition of rating(s) identified below for which approval is requested.				
<input type="checkbox"/> (c) Cùng với việc loại bỏ năng định dưới đây ra khỏi Phạm vi hoạt động/ With deletion of rating(s) identified below from the operations specifications.				

<input type="checkbox"/> 3. Sửa đổi Giấy chứng nhận AMO hiện tại và năng định/ Amending the current AMO Certificate and associated ratings. <input type="checkbox"/> (a) Bổ sung các năng định và cấp dưới đây đề nghị phê chuẩn/ By adding the rating(s) and class(es) identified below for which approval is requested. <input type="checkbox"/> (b) Loại bỏ năng định và cấp dưới đây khỏi Phạm vi hoạt động/ By deleting the ratings and class(es) identified below from the operations specifications.		Số Giấy chứng nhận AMO/ AMO Certificate #:	Ngày hết hạn/ Expiration Date:	
C. CÁC NĂNG ĐỊNH AMO/ AMO RATINGS:				
BỔ SUNG/ ADD	LOẠI BỎ/ DELETE	NĂNG ĐỊNH/ RATING	MÔ TẢ CẤP/ CLASS DESCRIPTION	MÔ TẢ THIẾT BỊ/ EQUIPMENT DESCRIPTION
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1.		
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2.		
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	3.		
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	4.		
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	5.		
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	6.		
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	7.		
Nếu cần thêm khoảng trống, vui lòng đính kèm thêm trang/ If more space is needed, please attach additional page(s).				
D. CÁC ĐÍNH KÈM THEO ĐƠN/ ADDITIONAL APPLICATION ATTACHMENTS:				
<input type="checkbox"/> 1. Tài liệu giải trình tổ chức bảo dưỡng/ Maintenance Organization Procedures Manual		<input type="checkbox"/> 5. Tài liệu Giải trình năng lực/ Capability List(s)		<input type="checkbox"/> 9. Sơ đồ và mô tả về cơ sở vật chất/ Facility Description & Layout
<input type="checkbox"/> 2. Báo cáo phù hợp Phần 5/ Part 5 Conformance Report		<input type="checkbox"/> 6. Danh sách nhà cung cấp và chức năng/ List of Service Providers & Functions		<input type="checkbox"/> 10. Chương trình huấn luyện/ Training Program
<input type="checkbox"/> 3. Lý lịch bộ máy điều hành/ Management Resumes		<input type="checkbox"/> 7. Phạm vi hoạt động dự kiến/ Proposed Operation Specifications		<input type="checkbox"/> 11. Sổ tay chất lượng/ Quality Assurance Manual
<input type="checkbox"/> 4. Lý lịch nhân viên xác nhận hoàn thành bảo dưỡng/ Certifying Staff Resumes		<input type="checkbox"/> 8. Gói công việc mẫu/ Sample Work Package		<input type="checkbox"/> 12. Hồ sơ sát hạch dự kiến/ Proposed Qualification Records
Nếu cần thêm khoảng trống, vui lòng đính kèm thêm trang/ If more space is needed, please attach additional page(s).				
E. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN/ APPLICANT'S CERTIFICATION				
Tôi xác nhận rằng tất cả trình bày và trả lời của tôi trên mẫu đơn này là hoàn chỉnh và đúng theo sự hiểu biết tốt nhất của tôi và tôi đồng ý rằng chúng được coi là một cơ sở để Cục HKVN phê chuẩn giấy chứng nhận cho tôi./ I certify that all statements and answers provided by me on this application form are complete and true to the best of my knowledge and I agree that they are to be considered as part of the basis for issuance of any CAAV certificate to me.				
Tổ chức, cá nhân không được gian lận bằng cách tạo ra các thông tin sai nhằm mục đích nhận được cho mình hoặc bất kỳ người nào khác sự cấp, công nhận, gia hạn hoặc thay đổi bất		1. NGÀY THÁNG NĂM/ DATE:	2. CHỮ KÝ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ APPLICANT SIGNATURE:	

<i>kỳ giấy phép nào./ A person shall not with intent to deceive by making any false representation for the purpose of procuring for himself or any other person the grant, issue, renewal or variation of any such license.</i>		
		3. TÊN VÀ CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN/PRINTED NAME AND TITLE OF APPLICANT:
F. CHỨNG NHẬN CỦA CỤC HKVN/ CAAV CERTIFICATION:		
1. <input type="checkbox"/> PHÊ CHUẨN với những năng định liên quan nêu trên/ APPROVED with the associated ratings bearing the number shown above. Ngày hiệu lực/ Effective Date: / / Ngày hết hạn/ Expires On: / /		2. <input type="checkbox"/> KHÔNG PHÊ CHUẨN/ DISAPPROVED
<input type="checkbox"/> Gia hạn/ Renewal <input type="checkbox"/> không kèm sửa đổi/ without amendments <input type="checkbox"/> có kèm sửa đổi/ with amendments		
3. Tên và Chức danh của người phê chuẩn / Name and Title of approving person	4. Chữ ký/ Signature	5. Ngày tháng năm/ Date
CAAV FSSD Form 512B [2]2022		

b) Mẫu kết quả

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
MINISTRY OF TRANSPORTATION



CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN PHÊ CHUẨN
APPROVED MAINTENANCE ORGANISATION

Số/ Number:

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam và các quy định hiện hành, Cục Hàng không Việt Nam chứng nhận:

Pursuant to the Civil Aviation Regulations of Vietnam being in force, the Civil Aviation Authority of Vietnam hereby certifies:

Địa chỉ/ whose business address is:

là Tổ chức bảo dưỡng được phê chuẩn với các năng định được liệt kê tại Tài liệu phạm vi hoạt động.

as Approved Maintenance Organisation with the ratings specified in Operation Specifications.

Giấy chứng nhận này xác nhận tổ chức được liệt kê trong giấy chứng nhận này được thực hiện bảo dưỡng theo các điều kiện nêu trong Tài liệu phạm vi hoạt động kèm theo.

This certificate certifies that the organization listed in this certificate is authorised to perform maintenance, as defined in the attached Operation Specifications.

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày hết hạn nếu không bị đình chỉ, thu hồi trước thời hạn:

This Certificate unless canceled, suspended or revoked shall continue in effect until the following date of expiry:

Ngày cấp lần đầu/ Date of first issue: / /

Ngày cấp lại/ Date of re-issue: / /

Ngày hết hạn/ Date of expiry: / /

CỤC TRƯỞNG
DIRECTOR GENERAL

Giấy chứng nhận này không được phép chuyển nhượng và bất kỳ thay đổi nào liên quan tới phê chuẩn phải được thông báo ngay cho Cục HKVN/

This certificate is not transferable and any major change that could affect to the approval shall be immediately reported to Civil Aviation Authority of Vietnam.

3. Sửa đổi giấy chứng nhận phê chuẩn Tổ chức bảo dưỡng tàu bay (AMO)

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

AMO đề nghị sửa đổi giấy chứng nhận phê chuẩn Tổ chức bảo dưỡng tàu bay gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Cục Hàng không Việt Nam sửa đổi Giấy chứng nhận phê chuẩn của AMO trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày AMO thông báo các thay đổi.

- Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy chứng nhận phê chuẩn AMO mới khi sửa đổi Giấy chứng nhận phê chuẩn AMO vì lý do thay đổi chủ sở hữu của AMO.

- Cục Hàng không Việt Nam có thể trì hoãn việc cấp Giấy chứng nhận AMO trong trường hợp có dấu hiệu chưa đủ điều kiện để cấp và phải thông báo bằng văn bản cho AMO về lý do của sự trì hoãn đó.

- Cục Hàng không Việt Nam có thể đình chỉ hiệu lực của Giấy chứng nhận phê chuẩn nếu AMO không thực hiện thông báo các thay đổi trên cho Cục Hàng không Việt Nam.

3.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc

- Nộp qua hệ thống bưu chính.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Công văn thông báo cho Cục Hàng không Việt Nam về các thay đổi;

- Các sửa đổi đối với tài liệu giải trình tổ chức bảo dưỡng.

b) Số lượng: 01 bộ

3.4. Thời hạn giải quyết: 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

3.6. Cơ quan thực hiện giải quyết thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

3.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận phê chuẩn Tổ chức bảo dưỡng tàu bay (AMO).

3.8. Phí, lệ phí:

Phí sửa đổi Giấy chứng nhận phê chuẩn Tổ chức bảo dưỡng tàu bay (AMO): 15.000.000 đồng.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không.

3.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Chỉ thực hiện thủ tục khi Giấy chứng nhận phê chuẩn tổ chức bảo dưỡng còn hiệu lực.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QHH11 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QHH13;

- Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/20211 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay;

- Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2011/TT- BGTVT ngày 27/01/20211 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay;

- Thông tư số 56/2018/TT-BGTVT ngày 11/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay;

- Thông tư số 11/2022/TT-BGTVT ngày 29/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không;

- Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/20211 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay và Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/20211 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay;

- Thông tư số 09/2023/TT-BGTVT ngày 09/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số

01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT và các Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT.

3.12. Mẫu kết quả của thủ tục hành chính:

GIẤY CHỨNG NHẬN PHÊ CHUẨN TỔ CHỨC BẢO DƯỠNG”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
MINISTRY OF TRANSPORTATION



CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN PHÊ CHUẨN
APPROVED MAINTENANCE ORGANISATION

Số/ Number:

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam và các quy định hiện hành, Cục Hàng không Việt Nam chứng nhận:

Pursuant to the Civil Aviation Regulations of Vietnam being in force, the Civil Aviation Authority of Vietnam hereby certifies:

Địa chỉ/ whose business address is:

là Tổ chức bảo dưỡng được phê chuẩn với các năng định được liệt kê tại Tài liệu phạm vi hoạt động.

as Approved Maintenance Organisation with the ratings specified in Operation Specifications.

Giấy chứng nhận này xác nhận tổ chức được liệt kê trong giấy chứng nhận này được thực hiện bảo dưỡng theo các điều kiện nêu trong Tài liệu phạm vi hoạt động kèm theo.

This certificate certifies that the organization listed in this certificate is authorised to perform maintenance, as defined in the attached Operation Specifications.

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày hết hạn nếu không bị đình chỉ, thu hồi trước thời hạn:

This Certificate unless canceled, suspended or revoked shall continue in effect until the following date of expiry:

Ngày cấp lần đầu/ Date of first issue: / /

Ngày cấp lại/ Date of re-issue: / /

Ngày hết hạn/ Date of expiry: / /

CỤC TRƯỞNG
DIRECTOR GENERAL

Giấy chứng nhận này không được phép chuyển nhượng và bất kỳ thay đổi nào liên quan tới phê chuẩn phải được thông báo ngay cho Cục HKVN/

This certificate is not transferable and any major change that could affect to the approval shall be immediately reported to Civil Aviation Authority of Vietnam.

4. Cấp Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay (AOC)

4.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Các cá nhân và tổ chức khai thác tàu bay vận tải hàng không thương mại (sau đây gọi tắt là Người khai thác tàu bay) nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính tới Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ của Người khai thác, Cục Hàng không Việt Nam sẽ thẩm định tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ đề nghị cấp AOC và thông báo kết quả thẩm định cho người đề nghị. Trong trường hợp hồ sơ đề nghị cấp AOC không hợp lệ hoặc chưa đầy đủ, người làm đơn phải bổ sung và thời gian phê chuẩn AOC sẽ chỉ được tính kể từ khi hồ sơ đã được bổ sung theo yêu cầu.

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông báo về tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ đề nghị cấp AOC, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc kiểm tra nội dung các tài liệu và phối hợp với Người khai thác tàu bay để xây dựng kế hoạch kiểm tra thực tế.

- Trong thời hạn 40 ngày, kể từ thời điểm thống nhất kế hoạch kiểm tra thực tế, Cục Hàng không Việt Nam tiến hành kiểm tra, nếu kết quả kiểm tra cho thấy người làm đơn hoàn toàn đáp ứng các yêu cầu đối với các quy định của Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay, Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy chứng nhận Người khai thác tàu bay. Trong trường hợp chưa đáp ứng các yêu cầu Cục Hàng không Việt Nam sẽ thông báo kết quả cho người đề nghị và thông nhất thời hạn cho việc khắc phục các yêu cầu chưa được đáp ứng. Thời gian cần thiết cho việc khắc phục các yêu cầu chưa được đáp ứng sẽ được tính bổ sung vào thời gian phê chuẩn AOC.

4.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận Người khai thác tàu bay bao gồm các thông tin sau: tên doanh nghiệp, tên giao dịch, địa điểm trụ sở chính; người đại diện theo pháp luật (giám đốc điều hành); loại hình doanh nghiệp; khu vực khai thác và cơ sở khai thác; loại hình khai thác; loại, kiểu tàu bay khai thác;

- Tài liệu miêu tả tổ chức quản lý;

- Họ tên của các cán bộ quản lý chính, bao gồm những người chịu trách nhiệm về khai thác bay, về hệ thống bảo dưỡng, về huấn luyện tổ bay và các hoạt động khai thác trên mặt đất cùng với kinh nghiệm và khả năng chuyên môn của họ;

- Tài liệu hướng dẫn khai thác. Đối với hệ thống bảo dưỡng tàu bay, người đề nghị phải cung cấp các tài liệu cùng với hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận Người khai thác lần đầu tiên, và trong trường hợp cần thiết, hồ sơ đề nghị sửa đổi hoặc gia hạn Giấy chứng nhận Người khai thác đối với từng loại máy bay mới được đưa vào khai thác:

- + Giải trình quản lý tổ chức bảo dưỡng;
- + Chương trình bảo dưỡng máy bay của Người khai thác;
- + Nhật ký kỹ thuật máy bay;
- + Kiểu loại và số lượng tàu bay đăng ký quốc tịch Việt Nam;
- + Người khai thác có thể khai thác máy bay được đăng ký tại quốc gia khác khi có sự thoả thuận chuyển giao trách nhiệm (chức năng) giám sát an toàn giữa Cục Hàng không Việt Nam với nhà chức trách của quốc gia đăng ký theo quy định của điều 83bis Công ước Chi-ca-go;
- + Hợp đồng bảo dưỡng giữa Người khai thác với các tổ chức bảo dưỡng được phê chuẩn phù hợp với Phần 5 Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết: 55 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

4.6. Cơ quan thực hiện giải quyết thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng không Việt Nam.
- d) Cơ quan phối hợp: Không.

4.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận Người khai thác tàu bay (AOC).

4.8. Phí, lệ phí:

Phí cấp Giấy chứng nhận Người khai thác tàu bay (AOC): 40.000.000 đồng.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận Người khai thác tàu bay.

4.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Người khai tác tàu bay phải nộp hồ sơ tối thiểu 90 ngày trước ngày dự định khai thác, tài liệu hướng dẫn khai thác và tài liệu kiểm soát bảo dưỡng có thể nộp

sau nhưng không muộn hơn 60 ngày trước ngày dự định khai thác.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QHH11 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QHH13;
- Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/20211 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay;
- Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/20211 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay;
- Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/20211 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay và Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/20211 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay;
- Thông tư số 56/2018/TT-BGTVT ngày 11/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay;
- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không;
- Thông tư số 09/2023/TT-BGTVT ngày 09/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT và các Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT.

4.12. Mẫu kết quả của thủ tục hành chính:

GIẤY CHỨNG NHẬN NGƯỜI KHAI THÁC TÀU BAY <i>AIR OPERATOR CERTIFICATE</i>		
Quốc gia người khai thác/ <i>State of Operator:</i> <p style="text-align: center;">CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM/ <i>SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM</i></p>		
Cơ quan cấp/ <i>Issuing Authority:</i> <p style="text-align: center;">CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM / <i>CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIETNAM</i></p>		
Số AOC/AOC number:	Tên người khai thác/ <i>Operator Name:</i>	Các địa chỉ liên lạc của người khai thác/ <i>Operational points of contact:</i> Thông tin chi tiết để liên hệ với các cá nhân chịu trách nhiệm về khai thác tàu bay được liệt kê tại ... <i>Contact details of operation management are listed in...</i>
Ngày hết hạn/Expiry date:	Tên giao dịch thương mại/ <i>Trading Name:</i>	
	Địa chỉ người khai thác/ <i>Operator's address:</i>	
	Số điện thoại/ <i>Tel:</i> Địa chỉ thư điện tử/ <i>Email:</i>	
Giấy chứng nhận này xác nhận được thực hiện khai thác vận tải thương mại theo các điều kiện nêu trong năng định khai thác kèm theo, phù hợp với các qui định trong Phần 12 của Bộ quy chế an toàn hàng không và tài liệu hướng dẫn khai thác bay/ <i>This certificate certifies that ... is authorized to perform commercial air transport operations, as defined in the attached Operation Specifications, in accordance with the Operation Manual and the provisions of Part 12 of Vietnam Aviation Regulations (VARs).</i>		
Ngày cấp lần đầu/ <i>Date of first issue:....</i> Ngày gia hạn/ <i>Date of extension:....</i>		CỤC TRƯỞNG <i>Director General</i>

5. Gia hạn sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận người khai thác tàu bay (AOC)

5.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Các cá nhân và tổ chức khai thác tàu bay vận tải hàng không thương mại (sau đây gọi tắt là Người khai thác tàu bay) nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Trong thời hạn 07 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ gia hạn, sửa đổi, bổ sung Người khai thác, Cục Hàng không Việt Nam sẽ thẩm định tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ đề nghị gia hạn, sửa đổi, bổ sung AOC và thông báo kết quả thẩm định cho người đề nghị. Trong trường hợp hồ sơ đề nghị gia hạn, sửa đổi, bổ sung AOC không hợp lệ hoặc chưa đầy đủ, người làm đơn phải bổ sung và thời gian phê chuẩn AOC sẽ chỉ được tính kể từ khi hồ sơ đã được bổ sung theo yêu cầu.

- Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày thông báo về tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ đề nghị gia hạn, sửa đổi, bổ sung AOC, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc kiểm tra nội dung các tài liệu và phối hợp với Người khai thác tàu bay để xây dựng kế hoạch kiểm tra thực tế.

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ thời điểm thống nhất kế hoạch kiểm tra thực tế, Cục Hàng không Việt Nam tiến hành kiểm tra, nếu kết quả kiểm tra cho thấy người đề nghị hoàn toàn đáp ứng các yêu cầu đối với các quy định của Phần này, Cục Hàng không Việt Nam cấp gia hạn hoặc sửa đổi AOC. Trong trường hợp chưa đáp ứng các yêu cầu Cục Hàng không Việt Nam sẽ thông báo kết quả cho người làm đơn và thống nhất thời hạn cho việc khắc phục các yêu cầu chưa được đáp ứng. Thời gian cần thiết cho việc khắc phục các yêu cầu chưa được đáp ứng sẽ được tính bổ sung vào thời gian gia hạn hoặc sửa đổi AOC.

5.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

1) Trường hợp gia hạn Giấy chứng nhận:

- Đơn đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận Người khai thác tàu bay bao gồm các thông tin sau: tên doanh nghiệp, tên giao dịch, địa điểm trụ sở chính; người đại diện theo pháp luật (giám đốc điều hành); loại hình doanh nghiệp; khu vực khai thác và cơ sở khai thác; loại hình khai thác; loại, kiểu tàu bay khai thác;

- Báo cáo về những thay đổi tính đến thời điểm đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận Người khai thác tàu bay.

2) Trường hợp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận:

- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung năng định khai thác, loại tàu bay hoặc tàu bay của Giấy chứng nhận Người khai thác tàu bay. Trong đơn nêu rõ nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung;

- Các tài liệu sửa đổi, bổ sung có liên quan.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết: 18 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

5.6. Cơ quan thực hiện giải quyết thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

5.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận Người khai thác tàu bay (AOC).

5.8. Phí, lệ phí:

a) Đối với nhà khai thác tàu bay Việt Nam:

- Gia hạn khai thác một loại tàu bay (tính theo đơn giá trên một chiếc tàu bay): 6.000.000 đồng/ chiếc.

- Gia hạn thêm một loại tàu bay khai thác: 18.000.000 đồng/loại.

- Bổ sung số lượng tàu bay khai thác: 15.000.000 đồng/loại.

- Bổ sung năng định - bổ sung thêm loại hình khai thác đặc biệt (ETOPS, CAT II, CAT III, hàng nguy hiểm, MNPS...), chủng loại tàu bay khai thác: 15.000.000 đồng/loại.

b) Đối với nhà khai thác tàu bay nước ngoài hoạt động tại Việt Nam (Cấp công nhận giấy chứng nhận AOC): 15.000.000 đồng/loại.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không.

5.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Người khai tác tàu bay phải nộp hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận Người khai thác tàu bay (AOC) gửi về Cục Hàng không Việt Nam ít nhất 30 ngày trước ngày hết hạn của Giấy chứng nhận Người khai thác tàu bay (AOC);

- Người khai tác tàu bay phải nộp hồ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng

nhận Người khai thác tàu bay (AOC) gửi về Cục Hàng không Việt Nam ít nhất 30 ngày trước ngày Giấy chứng nhận khai thác tàu bay sửa đổi, bổ sung dự kiến sẽ có hiệu lực.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QHH11 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QHH13;

- Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/20211 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay;

- Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/20211 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay;

- Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/20211 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay và Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/20211 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay;

- Thông tư số 56/2018/TT-BGTVT ngày 11/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không;

- Thông tư số 09/2023/TT-BGTVT ngày 09/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT và các Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT.

5.12. Mẫu kết quả của thủ tục hành chính:

GIẤY CHỨNG NHẬN NGƯỜI KHAI THÁC TÀU BAY <i>AIR OPERATOR CERTIFICATE</i>		
Quốc gia người khai thác/ <i>State of Operator:</i> <p style="text-align: center;">CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM/ <i>SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM</i></p>		
Cơ quan cấp/ <i>Issuing Authority:</i> <p style="text-align: center;">CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM / <i>CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIETNAM</i></p>		
Số AOC/AOC number:	Tên người khai thác/ <i>Operator Name:</i>	Các địa chỉ liên lạc của người khai thác/ <i>Operational points of contact:</i> Thông tin chi tiết để liên hệ với các cá nhân chịu trách nhiệm về khai thác tàu bay được liệt kê tại ... <i>Contact details of operation management are listed in...</i>
Ngày hết hạn/Expiry date:	Tên giao dịch thương mại/ <i>Trading Name:</i>	
	Địa chỉ người khai thác/ <i>Operator's address:</i>	
	Số điện thoại/ Tel: Địa chỉ thư điện tử/ Email:	
Giấy chứng nhận này xác nhận được thực hiện khai thác vận tải thương mại theo các điều kiện nêu trong năng định khai thác kèm theo, phù hợp với các qui định trong Phần 12 của Bộ quy chế an toàn hàng không và tài liệu hướng dẫn khai thác bay/ <i>This certificate certifies that ... is authorized to perform commercial air transport operations, as defined in the attached Operation Specifications, in accordance with the Operation Manual and the provisions of Part 12 of Vietnam Aviation Regulations (VARs).</i>		
Ngày cấp lần đầu/ Date of first issue:.... Ngày gia hạn/ Date of extension:....		CỤC TRƯỞNG <i>Director General</i>

6. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu

6.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu phải nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính tới Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Cục Hàng không Việt Nam kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ; thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản cho tổ chức nộp hồ sơ nếu hồ sơ bị từ chối;

- Trường hợp hồ sơ được chấp nhận, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam xem xét nội dung hồ sơ, thống nhất và thông báo chính thức kế hoạch kiểm tra tình trạng kỹ thuật tàu bay với tổ chức đề nghị. Kế hoạch kiểm tra thông báo cho tổ chức đề nghị bao gồm các nội dung:

- + Thời gian kiểm tra dự kiến;
- + Người thực hiện kiểm tra;
- + Địa điểm thực hiện kiểm tra.

- Cục Hàng không Việt Nam quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày thông báo kế hoạch kiểm tra tình trạng kỹ thuật tàu bay;

- Người khai thác tàu bay có trách nhiệm duy trì cập nhật các tài liệu khai thác, bảo dưỡng tàu bay theo quy định; cung cấp đầy đủ cho Cục Hàng không Việt Nam khi được yêu cầu. Cục Hàng không Việt Nam có thể yêu cầu người khai thác tàu bay cung cấp các thông tin hoặc giải trình trực tiếp trong quá trình kiểm tra tình trạng kỹ thuật tàu bay và thông báo cho người làm đơn các vấn đề thiếu sót phát hiện được sau quá trình kiểm tra;

- Căn cứ vào hồ sơ gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay, Cục Hàng không Việt Nam quyết định mức độ kiểm tra tàu bay;

- Cục Hàng không Việt Nam có quyền yêu cầu thực hiện bay kiểm tra tàu bay hoặc chấp nhận kết quả bay kiểm tra của quốc gia xuất khẩu tàu bay khi cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu.

6.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu theo mẫu quy định;

- Bản sao Giấy chứng nhận loại của tàu bay;

- Bản sao giấy đăng ký quốc tịch tàu bay;

- Bản sao các tài liệu sau tương ứng với tình hình khai thác và tình trạng cụ thể của loại tàu bay liên quan, cụ thể:

+ Đối với tàu bay mới thuộc kiểu loại đã được khai thác trước đó tại Việt Nam:

(1) Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu cho tàu bay, động cơ, cánh quạt, có các thông tin sau đây: Tiêu chuẩn đủ điều kiện bay của quốc gia xuất khẩu áp dụng đối với tàu bay, tên gọi của Giấy chứng nhận, số Giấy chứng nhận và ngày bắt đầu có hiệu lực; Các khác biệt về tiêu chuẩn đủ điều kiện bay của quốc gia xuất khẩu so với tiêu chuẩn đủ điều kiện bay của Việt Nam. Các khác biệt này phải được nhà chức trách hàng không quốc gia xuất khẩu phê chuẩn và được Cục Hàng không Việt Nam chấp nhận bằng văn bản; Các điều kiện đặc biệt khác quy định bởi nhà chức trách hàng không quốc gia xuất khẩu tàu bay trước khi cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu;

(2) Danh mục chỉ lệnh đủ điều kiện bay áp dụng cho tàu bay gồm các nội dung sau đây: Xác nhận việc đã thực hiện các chỉ lệnh đủ điều kiện bay; phương pháp thay thế trong trường hợp áp dụng các phương pháp thay thế tương đương theo hướng dẫn của nhà chế tạo nhằm tuân thủ các yêu cầu của chỉ lệnh đủ điều kiện bay; Xác định chỉ lệnh đủ điều kiện bay phải được thực hiện theo chu kỳ lặp lại, thông tin về chu kỳ lặp lại và thời hạn thực hiện gần nhất;

(3) Danh mục các thông báo kỹ thuật, bao gồm cả thông báo kỹ thuật có tính cảnh báo, đã được thực hiện trên tàu bay, động cơ, cánh quạt và thiết bị của tàu bay;

(4) Danh mục cải tiến kỹ thuật đã được thực hiện trên tàu bay, bao gồm: Cải tiến kỹ thuật thực hiện theo sự lựa chọn của Người khai thác; Cải tiến kỹ thuật áp dụng cho thiết bị tàu bay;

(5) Danh mục công việc đã thực hiện với các yêu cầu bắt buộc đối với các thiết bị vô tuyến, liên lạc của tàu bay;

(6) Danh mục công việc đã thực hiện tuân thủ các khuyến cáo về tiêu chuẩn đủ điều kiện bay do nhà chức trách hàng không xuất khẩu ban hành (nếu có);

(7) Danh mục các hỏng hóc cần phải được khắc phục triệt để tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu;

(8) Danh mục các thiết bị lắp trên tàu bay;

(9) Báo cáo cân tàu bay gần nhất;

(10) Báo cáo cân bằng và trọng tâm tàu bay;

(11) Danh mục các thiết bị có thọ mệnh hoặc kiểm soát theo thời gian;

(12) Hồ sơ của hệ thống la bàn và điều chỉnh la bàn;

(13) Giấy chứng nhận tiếng ồn của tàu bay;

(14) Giấy chứng nhận vô tuyến của tàu bay.

+ Đối với tàu bay mới thuộc kiểu loại khai thác lần đầu tại Việt Nam:

(1) Bản vẽ 3 hình chiếu của tàu bay và các thông số cơ bản ban đầu cùng với các đặc tính, giới hạn hoạt động đề xuất;

(2) Bản vẽ tổng thể, mô tả các đặc tính thiết kế, đặc tính hoạt động và các giới hạn hoạt động đề xuất của động cơ hoặc cánh quạt đó;

(3) Tài liệu sơ đồ mạch điện;

(4) Tài liệu phân tích tải điện;

(5) Báo cáo của Hội đồng rà soát chương trình bảo dưỡng (MRBR) của nhà chế tạo;

(6) Tài liệu chương trình bảo dưỡng (MPD), bao gồm cả chương trình kiểm soát và phòng chống rỉ sét, chương trình bảo dưỡng cấu trúc tàu bay;

(7) Danh mục thiết bị cất cánh tối thiểu chính (MMEL);

(8) Giấy chứng nhận tiếng ồn;

(9) Giấy chứng nhận vô tuyến;

(10) Một bản sao của các tài liệu sau:

(i) Tài liệu hướng dẫn khai thác bay (AFM);

(ii) Tài liệu hướng dẫn bảo dưỡng tàu bay (AMM);

(iii) Tài liệu hướng dẫn bảo dưỡng động cơ;

(iv) Tài liệu hướng dẫn bảo dưỡng cánh quạt;

(v) Tài liệu hướng dẫn bảo dưỡng động cơ phụ;

(vi) Tài liệu tra cứu thiết bị lắp trên tàu bay (IPC);

(vii) Tài liệu hướng dẫn tiêu chuẩn thực hành (Practical Standards);

- (viii) Tài liệu hướng dẫn sửa chữa cấu trúc tàu bay (SRM);
- (ix) Danh mục các cấu trúc khung sườn chính (SSI);
- (x) Tài liệu hướng dẫn quy trình xếp tải;
- (xi) Tài liệu hướng dẫn cân và cân bằng tàu bay;
- (xii) Tài liệu về kiểm tra không phá hủy (NDT).

+ Đối với tàu bay đã qua sử dụng:

(1) Xác nhận của Người khai thác tàu bay về việc hồ sơ tàu bay đã được kiểm tra và tàu bay ở trạng thái an toàn cho khai thác theo quy định;

(2) Ngoài việc cung cấp hồ sơ theo quy định áp dụng cho tàu bay, người làm đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay phải cung cấp cho Cục Hàng không Việt Nam các tài liệu liên quan đến toàn bộ quá trình khai thác trước đây của tàu bay, động cơ, cánh quạt và thiết bị lắp trên tàu bay, bao gồm:

(i) Tổng số chu trình cất hạ cánh;

(ii) Chương trình bảo dưỡng tàu bay áp dụng cho công tác bảo dưỡng tàu bay trước đây, bao gồm cả các chu kỳ định kỳ trước đây và cho lần sắp tới;

(iii) Thời gian hoạt động của tàu bay, động cơ, cánh quạt và các bộ phận có thọ mệnh tính từ khi sản xuất;

(iv) Thời gian hoạt động của thiết bị tàu bay, động cơ, cánh quạt và các bộ phận của tàu bay, cần phải được bảo dưỡng theo các chu kỳ thời gian đã được nhà chức trách hàng không phê chuẩn, kể từ khi sản xuất và từ khi đại tu lần cuối;

(v) Tài liệu chi tiết về thay đổi các bộ phận chính của cấu trúc khung sườn như cánh, đuôi, cánh quạt của trục thăng hoặc bộ phận truyền động và chứng minh nguồn gốc, xuất xứ của các bộ phận thay thế mới;

(vi) Hồ sơ chi tiết về các sửa chữa cấu trúc khung sườn đã được thực hiện cùng các nguyên nhân của hỏng hóc dẫn đến phải thực hiện sửa chữa;

(vii) Báo cáo chi tiết về kết quả của chuyến bay kiểm tra tiếp nhận tàu bay.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết: 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6.6. Cơ quan thực hiện giải quyết thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực

hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

6.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu.

6.8. Phí, lệ phí:

Phí kiểm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện bay cho tàu bay (tính theo trọng tải cất cánh tối đa của từng loại tàu bay): 200.000 đồng/tấn.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu.

6.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu phải nộp hồ sơ theo quy định gửi Cục Hàng không Việt Nam trước ngày dự định được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu 25 ngày.

Tàu bay phải được xóa đăng ký quốc tịch Việt Nam trước khi được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QHH11 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QHH13;

- Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/20211 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay;

- Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/20211 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay;

- Thông tư số 56/2018/TT-BGTVT ngày 11/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh

vực hàng không;

- Thông tư số 09/2023/TT-BGTVT ngày 09/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT và các Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT.

6.12. Mẫu đơn và kết quả của thủ tục hành chính:

a) Mẫu đơn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN BAY XUẤT KHẨU
APPLICATION FOR ISSUANCE OF EXPORT CERTIFICATE OF AIRWORTHINESS

1. Tên người đề nghị cấp chứng nhận:
Name of the applicant
2. Địa chỉ người đề nghị cấp chứng nhận:
Address of the applicant
3. Tên và địa chỉ của chủ sở hữu tàu bay:
Name and address of aircraft owner
4. Nhà sản xuất tàu bay:
Aircraft manufacturer
5. Địa điểm và thời gian sản xuất:
Place and year of manufacturer
6. Quốc tịch và số đăng ký tàu bay:
Registration mark (National or Foreign)
7. Mô tả tàu bay:
Description of aircraft

a) Tàu bay mới <input type="checkbox"/>	Đã qua sử dụng <input type="checkbox"/>
<i>New aircraft</i>	<i>Used aircraft</i>
b) Loại tàu bay:	Mẫu mã:
<i>Type of aircraft</i>	<i>Model</i>
c) Số xuất xưởng:	Giờ/chu trình bay từ đầu:
<i>Manufacturer's serial number</i>	<i>Flight hours/Cycles since new</i>
d) Loại động cơ:	Số động cơ lắp trên tàu bay:
<i>Type of engine</i>	<i>Number of engines fitted</i>
e) Loại cánh quạt:	Số cánh quạt lắp trên tàu bay:
<i>Type of propeller</i>	<i>Number of propellers installed</i>
f) Số lượng ghế (kể cả ghế thành viên tổ bay):	
<i>Seating accommodation (including crew)</i>	
8. Tải trọng cất cánh tối đa của tàu bay:
Maximum take-off mass of aircraft
9. Tàu bay sử dụng vào mục đích:

Chở hành khách <input type="checkbox"/>	Hàng hoá <input type="checkbox"/>	Hàng không chung <input type="checkbox"/>
<i>Transport of passengers</i>	<i>Cargo</i>	<i>General Aviation</i>
Việc hàng không <input type="checkbox"/>	Tư nhân <input type="checkbox"/>	Khai thác đặc biệt <input type="checkbox"/>
<i>Aerial work</i>	<i>Private</i>	<i>Special operations</i>
10. Tên và địa chỉ của tổ chức nhập khẩu tàu bay:
Name and address of importing organization

Tôi xin cam đoan chi tiết kê khai trên đây và trong phụ đính đều chính xác và đúng sự thật, đề nghị Cục HKVN kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu cho tàu bay (I hereby declare that the particulars entered on this application and its appendix are accurate in every respect, submitted to CAAV for the inspection and issuance of Export Certificate of Airworthiness).

Chữ ký người làm đơn (ghi rõ tên và chức danh)
Signature of applicant (with full name and title)

b) Mẫu kết quả

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
MINISTRY OF TRANSPORTATION



CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN BAY XUẤT KHẨU
EXPORT CERTIFICATE OF AIRWORTHINESS

Số/ Number:

Giấy chứng nhận này được cấp phù hợp Công ước Quốc tế Hàng không dân dụng ngày 07 tháng 12 năm 1944 và Luật hàng không dân dụng Việt Nam. Chứng chỉ này không có giá trị để đưa tàu bay vào khai thác, trừ khi kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay do quốc gia đăng ký cấp/ <i>This Export Certificate of Airworthiness is issued pursuant to the Convention on International Civil Aviation dated 07 December 1944, and the Law on Civil Aviation of Vietnam in respect of above mentioned aircraft. Unless accompanied by a Certificate of Airworthiness issued by the State of Registry, this Certificate does not constitute authority for flight.</i>		
Kiểu loại tàu bay/Make, model & variant:	Nhà sản xuất/Manufacture:	
Loại động cơ/Engine model:	Loại cánh quạt/Propeller Model:	
Số xuất xưởng/Serial Number:		
Tàu bay mới/ New aircraft: <input type="checkbox"/>	Mới đại tu/ Newly overhauled: <input type="checkbox"/>	Tàu bay cũ/ Used aircraft: <input type="checkbox"/>
Xuất khẩu tới/ State to which exported:		
Ghi chú/Remarks/ Exceptions:		

Ngày ban hành/ Date of issue:...../...../.....

CỤC TRƯỞNG
DIRECTOR GENERAL